

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2026

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 6, QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2026 giảm 0,39% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu giảm theo giá nhiên liệu thế giới. So với tháng 12/2025, CPI tháng Sáu tăng 3,21%; tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với quý II/2025. Bình quân 6 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

I. TỔNG QUAN

Sáu tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều bất ổn do xung đột địa chính trị leo thang, đặc biệt tại Trung Đông, tăng trưởng toàn cầu suy giảm và áp lực lạm phát gia tăng trở lại. Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông đã làm gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu, đẩy giá dầu Brent đạt đỉnh khoảng 123 USD/thùng vào cuối tháng 3/2026 trước khi giảm dần nhờ các tín hiệu hạ nhiệt xung đột và phục hồi lưu thông qua eo biển Hormuz. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, kiểm soát xuất nhập khẩu và tích trữ hàng hóa chiến lược tại một số quốc gia đã làm tăng rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, gây áp lực lên mặt bằng giá hàng hóa toàn cầu.

Theo kết quả cuộc họp ngày 16-17/6/2026, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3,5%-3,75% nhằm tiếp tục duy trì lập trường chính sách tiền tệ thận trọng và ưu tiên kiểm soát lạm phát trong bối cảnh rủi ro địa chính trị toàn cầu gia tăng. Tại cuộc họp ngày 11/6/2026, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định tăng 25 điểm cơ bản đối với các lãi suất điều hành chủ chốt. Theo đó, lãi suất tiền gửi được nâng lên 2,25% cho thấy lập trường chính sách tiền tệ tiếp tục thận trọng của ECB. Tại cuộc họp tháng 6/2026, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 3,75%, đánh dấu lần thứ tư liên tiếp duy trì mức lãi suất này. Quyết định được đưa ra trong bối cảnh lạm phát của Anh giảm xuống 2,8% nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2%, trong khi rủi ro từ giá năng lượng và căng thẳng địa chính trị tiếp tục hiện hữu.

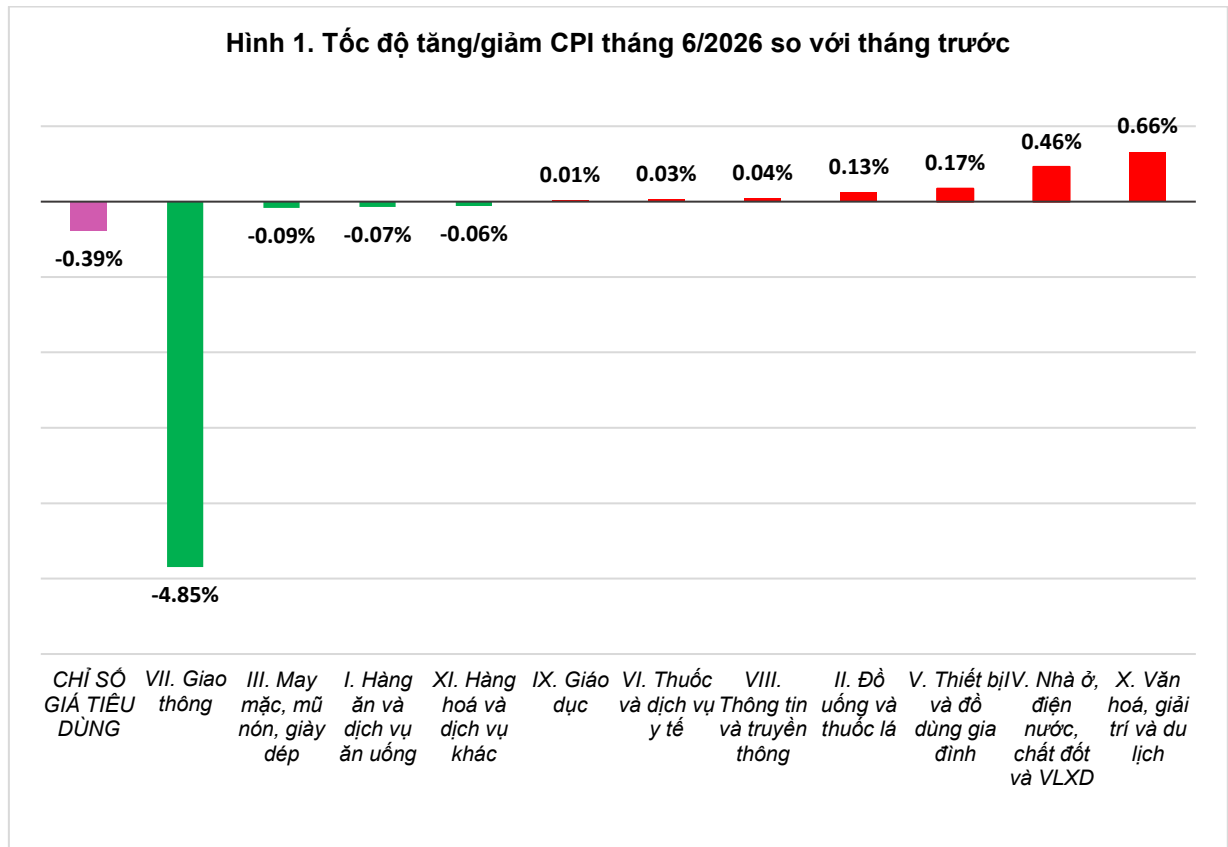
Trong tháng 5/2026, lạm phát của Mỹ tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước; khu vực đồng Euro tăng 3,2%; trong đó Đức tăng 2,6%; Pháp tăng 2,4%, I-ta-li-a và Tây Ban Nha cùng tăng 3,2%. Tại châu Á, lạm phát tháng 5/2026 của Phi-lip-pin tăng

6,8% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc tăng 3,1%; Trung Quốc tăng 1,2%; Thái Lan tăng 2,8%. CPI tháng 6/2026 của Việt Nam tăng 4,69% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong nước, trước bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động và áp lực lạm phát gia tăng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Công tác điều hành được thực hiện linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và tiền tệ; đặc biệt, thị trường xăng dầu được điều hành chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến giá thế giới và cung cầu trong nước để hạn chế biến động giá trong nước, kết hợp với tăng cường hợp tác quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn cung năng lượng. Các địa phương cũng tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ sản xuất, ổn định thị trường. Do đó, thị trường hàng hóa trong nước cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí đầu vào, biến động giá năng lượng và rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu, đặt ra thách thức cho công tác điều hành trong thời gian tới. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2025.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 6/2026

So với tháng trước, CPI tháng 6/2026 giảm 0,39% (khu vực thành thị giảm 0,33%; khu vực nông thôn giảm 0,45%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 04 nhóm hàng giảm giá và 07 nhóm hàng tăng giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 6/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,07%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 6/2026 giảm 0,07% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm, trong đó lương thực giảm 0,78%, góp phần giảm 0,03 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm giảm 0,05%, góp phần giảm 0,01 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,2%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,78%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 6/2026 giảm 0,78% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 1,06% (Gạo tẻ thường giảm 1,1%; gạo tẻ ngon giảm 0,8%; gạo nếp giảm 1,56% và gạo nứt tẻ giảm 0,41%). Giá gạo giảm do nguồn cung trong nước tăng sau vụ lúa đông xuân góp phần làm tăng sản lượng gạo trên thị trường.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 15.000-17.000 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.500-22.200 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.200-24.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.000-39.000 đồng/kg.

Chỉ số giá một số mặt hàng lương thực khác giảm như: Giá khoai giảm 2,39% so với tháng trước; sắn giảm 0,31%; miến giảm 0,21%; bún, bánh phở, bánh đa giảm 0,11%. Ngược lại, giá bánh mì tăng 0,27% so với tháng trước; bột mì tăng 0,25%; ngô tăng 0,18%; mỳ sợi, mỳ, phở/cháo ăn liền tăng 0,16%.

1.2. Thực phẩm (-0,05%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 6/2026 giảm 0,05% so với tháng trước, chủ yếu giảm giá ở một số nhóm hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn giảm 0,61% và thịt gia cầm giảm 0,15% do nguồn cung đảm bảo trong khi nhu cầu tiêu dùng trong nước ổn định. Theo đó, mỡ động vật giảm 0,45%, nội tạng động vật giảm 0,44%.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống giảm 0,6% do nguồn cung dồi dào. Trong đó, tôm tươi hoặc ướp lạnh giảm 0,84%; cá tươi hoặc cá ướp lạnh giảm 0,54%; thủy hải sản tươi sống khác giảm 0,26%.

- Chỉ số giá trứng các loại giảm 0,83% do nhiều trang trại mở rộng quy mô nuôi gà đẻ trứng từ đầu năm nên nguồn cung dồi dào vượt nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong nước làm giá trứng giảm.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến giảm 1,44% chủ yếu do nhiều loại trái cây đang vào mùa chính vụ thu hoạch, nguồn cung dồi dào nên giá bán giảm. Theo đó, giá xoài giảm 3,06%; chuối giảm 2,08%; quả có múi giảm 1,88%; quả tươi

khác như dưa hấu, dưa, thanh long, đu đủ giảm 0,97%; táo giảm 0,16%. Chỉ số giá các loại đậu và hạt giảm 0,19%.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng thực phẩm có chỉ số giá tăng so với tháng trước như sau:

- Chỉ số giá đồ gia vị và nước mắm, nước chấm cùng tăng 0,29% so với tháng trước; sữa, bơ, phô mai và chè, cà phê, ca cao cùng tăng 0,25%; đường mật và bánh, mứt, kẹo cùng tăng 0,15%; thịt chế biến tăng 0,11%.

- Chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến tăng 2,66% so với tháng trước, trong đó giá các loại rau như cà chua tăng 11,81%; bắp cải tăng 6,02%; su hào tăng 5,7%; đỗ quả tươi tăng 3,65%; rau tươi khác như rau cải xanh, giá đỗ, rau cải bẹ muối dưa tăng 2,22%; rau dạng quả, củ khác tăng 1,7%; khoai tây tăng 0,47%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 6/2026 tăng 0,2% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng trong dịp hè và chi phí vận hành như giá thuê mặt bằng, giá điện, nước tăng. Trong đó, giá ăn ngoài gia đình và uống ngoài gia đình cùng tăng 0,21%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,14%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,13%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 6/2026 tăng 0,13% so với tháng trước do chi phí sản xuất và nhu cầu tiêu dùng tăng trong mùa nắng nóng, trong đó giá nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,46%; nước quả ép tăng 0,45%; nước khoáng tăng 0,14%; thuốc hút tăng 0,23%; rượu các loại tăng 0,11%; bia các loại tăng 0,09%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (-0,09%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 6/2026 giảm 0,09% so với tháng trước do nguồn cung hàng hóa dồi dào, nhiều chương trình giảm giá bán được triển khai. Trong đó, chỉ số giá giày dép giảm 0,15%; quần áo may sẵn giảm 0,1%; may mặc khác như găng tay, cà vạt và bít tất giảm 0,07%. Ở chiều ngược lại, vải các loại tăng 0,45%; dịch vụ may mặc tăng 0,5%; dịch vụ giày dép tăng 0,74%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,46%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 6/2026 tăng 0,46% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,1 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,1% do giá gạch, cát, đá tăng khi nguồn cung hạn chế, chi phí sản xuất, vận chuyển tăng.

- Giá thuê nhà tăng 0,11% do chi phí quản lý, bảo trì, sửa chữa tăng khiến nhiều chủ nhà điều chỉnh giá thuê. Giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,11%.

- Giá điện sinh hoạt tăng 2%, giá nước sinh hoạt tăng 0,56%¹ do nhu cầu sử dụng điện, nước tăng khi thời tiết nắng nóng.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm sau có chỉ số giảm so với tháng trước:

- Giá gas đun tháng Sáu tiếp tục giảm 2,43% sau khi tăng mạnh vào tháng 4/2026.

- Giá dầu hỏa giảm 17,72% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,17%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 6/2026 tăng 0,17% so với tháng trước do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công tăng. Trong đó, giá quạt điện tăng 0,32% so với tháng trước; gương, đồng hồ treo tường, ghế bàn tăng 0,31%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,3%; hàng dệt trong nhà tăng 0,28%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,25%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,24%; đèn điện thấp sáng tăng 0,23%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,21%. Ở chiều ngược lại, giá bàn là điện giảm 0,49% so với tháng trước; bếp gas giảm 0,34%; ấm, phích nước điện giảm 0,21%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 6/2026 tăng 0,03% so với tháng trước do chi phí nhập khẩu nguyên liệu dược tăng khi tỷ giá tăng. Trong đó, nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,16% so với tháng trước; nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,15%; nhóm thuốc chống dị ứng và nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp cùng tăng 0,09%.

7. Giao thông (-4,85%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 6/2026 giảm 4,85% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung giảm 0,48 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá xăng giảm 10,05%; chỉ số giá dầu diezen giảm 10,63% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước theo sát diễn biến thị trường thế giới. Thêm vào đó, giá vận tải đường hàng không giảm 11,62%; vận tải hành khách bằng đường thủy giảm 0,21%; vận tải hàng khách bằng đường bộ giảm 0,08%.

Ở chiều ngược lại, giá nhóm phụ tùng phương tiện giao thông tăng 0,37%, trong đó lốp, săm xe đạp tăng 0,56% so với tháng trước; phụ tùng khác của xe đạp

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 6/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 5/2026.

tăng 0,48%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,45%; lốp, săm xe máy tăng 0,41%; phụ tùng ô tô tăng 0,06% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng. Chỉ số giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,31%.

8. Thông tin và truyền thông (+0,04%)

Nhóm thông tin và truyền thông tháng 6/2026 tăng 0,04% so với tháng trước. Trong đó, giá ti vi tăng 0,27% so với tháng trước; máy vi tính và phụ kiện và dịch vụ sửa chữa điện thoại cùng tăng 0,21%; máy điện thoại di động thông thường tăng 0,14%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,11%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,1%. Ở chiều ngược lại, giá phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,43%; máy điện thoại cố định giảm 0,24%.

9. Giáo dục (+0,01%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 6/2026 tăng 0,01% so với tháng trước chủ yếu do một số cơ sở giáo dục và trung tâm đào tạo điều chỉnh tăng học phí dạy thêm.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,66%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 6/2026 tăng 0,66% so với tháng trước, chủ yếu tăng ở những dịch vụ sau: Giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,1% (du lịch trong nước tăng 1,15%; du lịch ngoài nước tăng 0,23%) do nhu cầu du lịch hè tăng cùng với chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; khách sạn, nhà khách tăng 1,15%; dịch vụ thể thao tăng 0,46%; đồ chơi trẻ em tăng 0,25%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 0,14%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (-0,06%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 6/2026 giảm 0,06% so với tháng trước, chủ yếu do giá đồ trang sức giảm 8,01% theo giá vàng trong nước. Ở chiều ngược lại, giá vật dụng và dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,28% so với tháng trước; hàng chăm sóc cơ thể như nước hoa, gội tóc, son, kem dưỡng da tăng 0,1%.

12. Chỉ số giá vàng (-8,46%)

Chỉ số giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/6/2026, bình quân tháng 6/2026 giá vàng thế giới ở mức 4.284 USD/ounce, giảm 7,05% so với tháng 5/2026. Trong tháng 6/2026 giá vàng thế giới giảm chủ yếu do đồng USD tăng giá, kỳ vọng Fed tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và nhu cầu nắm giữ tài sản trú ẩn an toàn suy giảm.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 6/2026 giảm 8,46% so với tháng 5/2026; tăng 24,11% so với cùng kỳ năm trước; giảm 2,72% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 36,84% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 6 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 58,12%.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,11%)

Giá đô la Mỹ trong nước biến động cùng chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 25/6/2026, chỉ số USD trên thị trường quốc tế bình quân tháng 6/2026 đạt mức 100,05 điểm, tăng 1,42 điểm so với tháng 5/2026 do thị trường kỳ vọng FED tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, trong bối cảnh kinh tế Mỹ duy trì tăng trưởng và lãi suất ở mức cao, qua đó làm tăng nhu cầu nắm giữ đồng USD

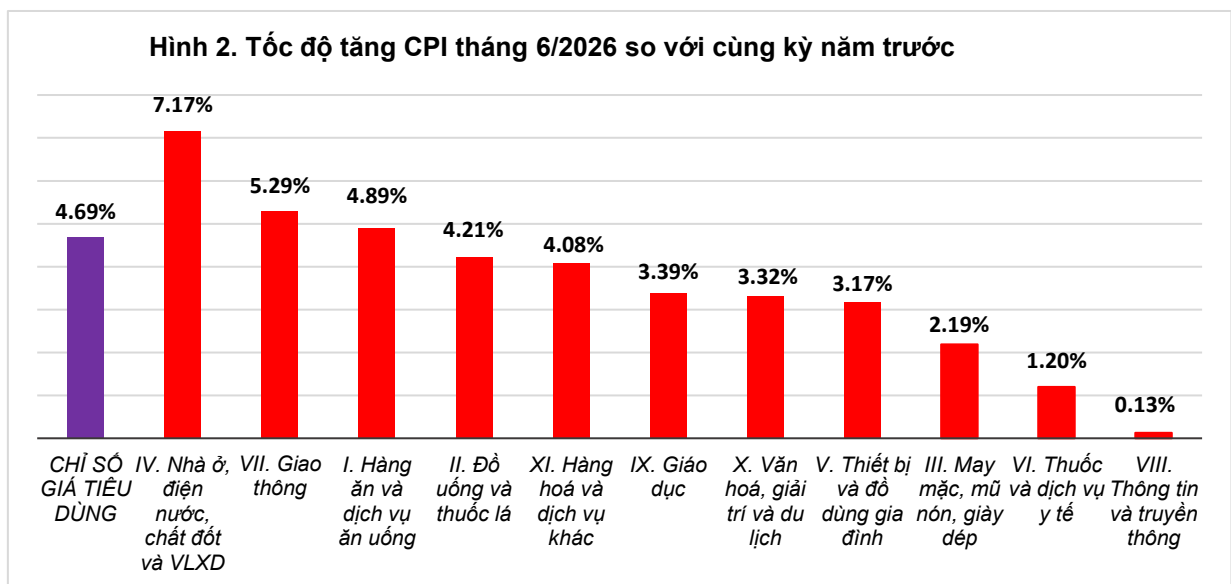
Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2026 tăng 0,11% so với tháng trước; tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,17% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 0,93% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 6 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,75%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Sáu từ năm 2022 đến năm 2026

Đơn vị tính: %

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 6 so với tháng trước	0,69	0,27	0,17	0,48	-0,39
CPI tháng 6 so với cùng kỳ năm trước	3,37	2,00	4,34	3,57	4,69
CPI tháng 6 so với tháng 12 năm trước	3,18	0,67	1,40	2,02	3,21
CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	2,44	3,29	4,08	3,27	4,38

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 6/2026 tăng 4,69%. Cả 11 nhóm hàng tiêu dùng chính đều tăng giá.



Cụ thể như sau:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 7,17%, tác động làm CPI chung tăng 1,63 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu do giá thuê nhà và dịch vụ sửa chữa đều tăng. Cụ thể, giá nhà ở thuê tăng 5,87%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 8,68% do nhu cầu thuê nhà và chi phí nhân công, vật tư sửa chữa tăng. Thêm vào đó, giá gas và các loại chất đốt khác tăng 35,23% do điều chỉnh tăng theo diễn biến giá thế giới; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 13,73% do giá xi măng, cát, thép tăng; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 9,12%; dịch vụ nước sinh hoạt tăng 4,72%; điện sinh hoạt tăng 4,03%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 3,75%; nước sinh hoạt tăng 1,45%.

- Nhóm giao thông tăng 5,29%, tác động làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhiên liệu tăng 8,97% chủ yếu do tăng giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,89% tác động làm CPI chung tăng 1,75 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 1,07%; thực phẩm tăng 4,21%; ăn uống ngoài gia đình tăng 8,28% do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào và dịch vụ quản lý tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,21%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,08% tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm, chủ yếu do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 6,42%; vật dụng, dịch vụ về hiếu hỉ tăng 4,58%.

- Nhóm giáo dục tăng 3,39%, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, nghề điều chỉnh giá học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập đã được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,17%, tác động làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ trong gia đình tăng 7,56%; sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 5,07%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 4,28%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 3,83%; giường tủ bàn ghế tăng 3,61%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,32%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,19%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,2%, làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm giá thuốc và thiết bị y tế tăng.

So với tháng 12/2025, CPI tháng Sáu tăng 3,21%, trong đó 11 nhóm hàng đều tăng giá, cụ thể:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với 6,2% chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng từ tháng 3/2026.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,17% do giá nhà ở thuê tăng 3,26%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 8,07%; gas và các loại chất đốt khác tăng 45,11%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,36% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời biến động tỷ giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và sản xuất.

- Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 3,19% do nhu cầu mua sắm, tiêu dùng dịp Tết và du xuân tăng.

- Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 2,6% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng; các dịch vụ cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng vào dịp Tết.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,3%, trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 5,18%; đồ dùng trong nhà tăng 2,49%; thiết bị trong gia đình tăng 0,45%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2% do giá lương thực tăng 0,37%; thực phẩm tăng 0,69% và ăn uống ngoài gia đình tăng 5,95%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,37%, trong đó quần áo may sẵn tăng 1,1%; giày dép tăng 1,63%; vải các loại tăng 2,92%; dịch vụ may mặc tăng 4,67%; dịch vụ giày dép tăng 4,87%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,97%, trong đó dịch vụ y tế tăng 0,7%; thuốc các loại tăng 1,56%; dụng cụ y tế tăng 1,22%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,36% do trong năm học 2025-2026 một số trường dân lập, tư thục, học nghề, dạy thêm đã điều chỉnh học phí.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng nhẹ 0,29%, chủ yếu do chi phí một số dịch vụ viễn thông điều chỉnh tăng.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ II NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng quý II/2026 tăng 5,25% so với cùng kỳ năm 2025. Tất cả các nhóm tiêu dùng chính đều tăng giá, cụ thể tác động tăng của một số nhóm chủ yếu như sau:

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân quý II/2026 tăng 5,04% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm tăng CPI chung 1,81 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 1,56%, tác động làm tăng CPI chung 0,06 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 4,34% do nhu cầu tiêu dùng trong dịp nghỉ Lễ 30/4-1/5 và Tết Đoan Ngọ tăng, tác động làm tăng CPI chung 0,97 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 8,32%, làm tăng CPI chung 0,78 điểm phần trăm do nhu cầu tăng, giá nguyên liệu đầu vào và chi phí nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,77% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm tăng CPI chung 1,76 điểm phần trăm, trong đó chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 6,09%, tác động làm tăng 0,85 điểm phần trăm; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 5,53% do nhu cầu sử dụng tăng cao, tác động làm tăng 0,27 điểm phần trăm.

- Nhóm giao thông tăng với 9,57%, tác động làm tăng CPI chung 0,96 điểm phần trăm, chủ yếu tăng do giá xăng dầu được điều chỉnh theo giá nhiên liệu thế giới.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2025-2026, tác động làm tăng CPI chung 0,2 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,27%, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng trong nước và thế giới và giá đồ dùng cá nhân tăng.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,98%, tác động làm CPI tăng 0,09 điểm phần trăm.

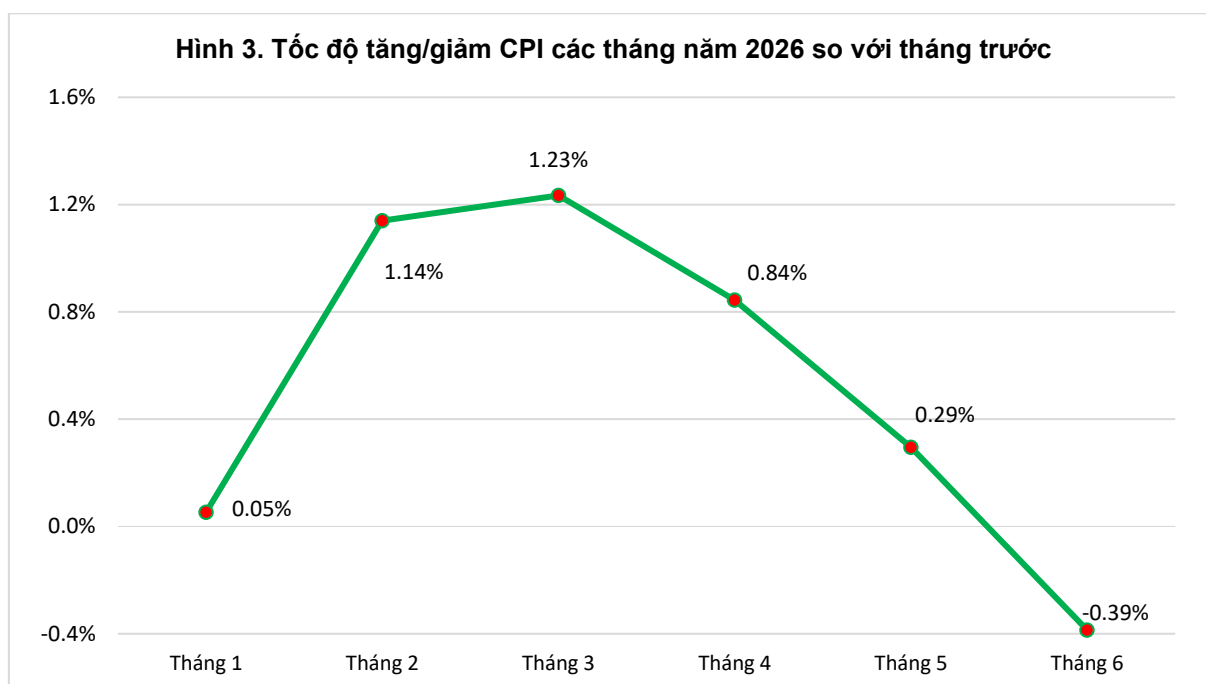
- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,17%, tác động làm tăng CPI 0,05 điểm phần trăm chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm giá thuốc và thiết bị y tế tăng.

IV. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI 6 tháng đầu năm được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

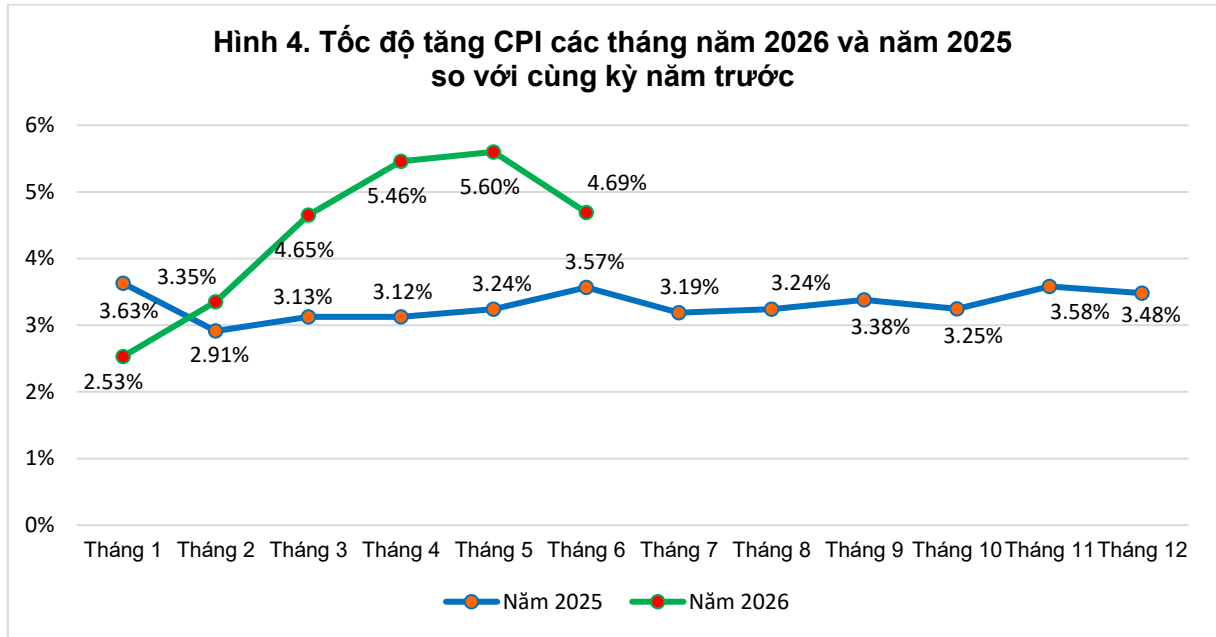
1. Diễn biến giá tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2026

1.1. Diễn biến CPI 6 tháng đầu năm 2026 so với tháng trước



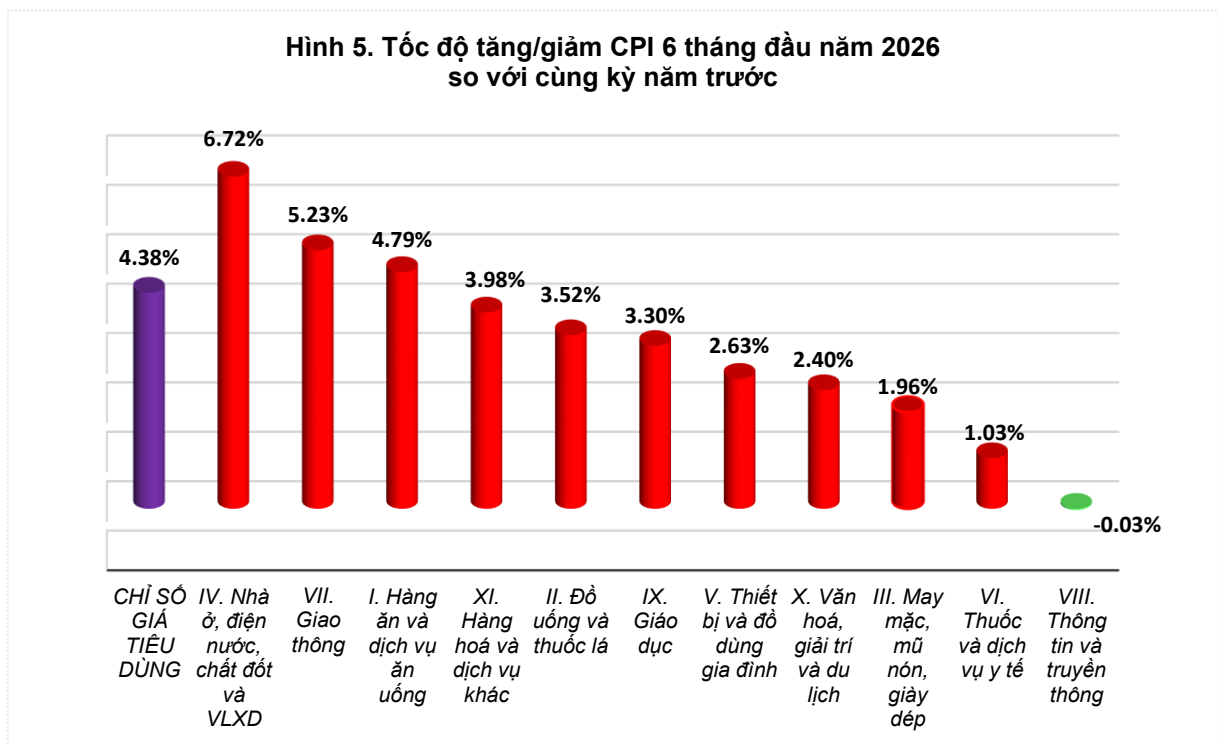
So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng tăng liên tục từ tháng Một đến tháng Năm và chỉ giảm trong tháng Sáu. Diễn biến CPI chịu tác động quy luật tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết đồng thời chịu ảnh hưởng bởi giá nhiên liệu và giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Cụ thể, CPI tháng Một tăng 0,05% chủ yếu do giá thịt lợn tăng. Tháng Hai trùng với dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ nên nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ và đi lại của người dân tăng cao làm cho giá thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông tăng. CPI tăng cao nhất trong tháng Ba với 1,23%, mặc dù là tháng sau Tết nhưng CPI không giảm theo quy luật tiêu dùng hàng năm do giá xăng dầu tăng cao dưới tác động của thị trường thế giới. Sang tháng Tư, giá xăng dầu hạ nhiệt nhưng giá gas tăng mạnh nên CPI tăng 0,84%. Đến tháng 5/2026, CPI tăng 0,29% do giá điện, nước sinh hoạt và vật liệu xây dựng tăng. Tháng Sáu, CPI giảm 0,39% do giá xăng dầu giảm mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 2026, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,53% so với tháng trước.

1.2. Diễn biến CPI 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, khác với xu hướng của năm 2025, CPI tháng 5/2026 tăng cao nhất với 5,6%, tháng 01/2026 tăng thấp nhất với 2,53%. Từ tháng Hai đến tháng Tư mức tăng so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 3,35%; 4,65%; 5,46%. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 4,38% (6 tháng đầu năm 2025 tăng 3,27%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu, giá gas đun tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới. Bên cạnh đó, giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng và nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng do giá nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng.

2. Yếu tố làm tăng CPI 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,53 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 6,32% do chi phí duy trì và vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 14,12% do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá điện sinh hoạt tăng 5,54% do nhu cầu sử dụng điện tăng.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 5,23%, làm CPI chung tăng 0,52 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 8,9%².

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,79%, tác động làm CPI chung tăng 1,72 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 4,85% tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm, chủ yếu do nguồn cung hạn chế trong dịp Lễ, Tết và chi phí chăn nuôi ở mức cao; chỉ số giá thịt gia cầm tăng 4,51%; chỉ số giá ăn uống ngoài gia đình tăng 6,85%, tác động làm CPI chung tăng 0,64 điểm phần trăm, do chi phí nguyên liệu và dịch vụ tăng.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,3%, làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, dạy nghề đã điều chỉnh học phí trong năm học 2025-2026.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,52%, làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,63%, làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,4%, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,96%, tác động làm CPI chung lần lượt là 0,08 và 0,07 điểm phần trăm.

V. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 6/2026 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,38% của CPI bình quân chung, do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

² So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá nhóm nhiên liệu tháng 01/2026, 02/2026 lần lượt giảm 9,62% và 8,38%, trong khi tháng 3/2026, 4/2026, 5/2026, 6/2026 lần lượt tăng 21,6%; 21,47%; 25,12% và 8,97%.

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

**Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Sáu và 6 tháng đầu năm
từ năm 2022 đến năm 2026**

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 6 so với tháng trước	0,44	0,24	0,18	0,31	0,14
Lạm phát cơ bản tháng 6 so với cùng kỳ năm trước	1,98	4,33	2,61	3,46	4,50
Lạm phát cơ bản 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	1,25	4,74	2,75	3,16	4,12

CỤC THỐNG KÊ